TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày 23-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Nguyễn Văn Hà

+ Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Danh Thị Ngọc Lệ- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên toà*: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu P (Tên gọi khác: **N)**- sinh năm 1987 tại Bà Rịa Vũng Tàu; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chổ ở: khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Đánh bắt hải sản; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Lê Thị Bạch L- sinh năm 1959; Bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 6 anh chị em.

Tiền án: Ngày 28-3-2018, Nguyễn Hữu P bị TAND huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xử phạt 6 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Nguyễn Hữu P chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11-7-2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ từ ngày 31/12/2018 đến ngày 03/01/2019 chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị K- sinh năm 1976; Địa chỉ: tổ 14, ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc T- sinh năm: 1980; Nơi ĐKNKTT: khu phố H2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Chổ ở hiện nay: Trạm giam Xuyên Mộc (Có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Lê Bá N – sinh năm 1977; Địa chỉ: số 710/2C đường B, phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H- sinh năm: 1985; Địa chỉ: tổ 38/4Ô3 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Vắng mặt);

+ Bà Lê Thị Bạch L- sinh năm: 1959; Địa chỉ: tổ 38/4Ô3 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 22-07-2018, Nguyễn Hữu P điều khiển xe Mô tô biển số 72AL- 014.55 chở Nguyễn Ngọc T hướng từ thị trấn L, huyện L sang huyện Đ chơi. Trên đường đi, hai người gặp Nguyễn Văn T chở vợ Nguyễn Thị L nên rủ đi chơi cùng. Lúc này, xe vợ chồng T lưu thông đi phía trước, xe P đi phía sau; khi đi đến đoạn đường thuộc ấp M, xã L thì T phát hiện tiệm bán đồ điện nhà bà Nguyễn Thị K không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Được P đồng ý, T liền nói P dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới và mình chạy vào trong tiệm lén lút lấy trộm được 3 cuộn dây điện và 01 cuộn dây loa rồi ra xe để chở nhau sang V tìm nơi tiêu thụ.

Khi đến Vũng Tàu, T và P đã bán toàn bộ tài sản nêu trên cho cửa hàng ông Lê Bá N với số tiền là 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) rồi cùng đi mua ma túy về sử dụng chung với vợ chồng Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KLĐGTS – HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản ngày 27/07/2018 kết luận: 03 cuộn dây điện và 01 cuộn dây loa tại thời điểm Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hữu P chiếm đoạt trị giá 1.801.000 đồng (Một triệu tám trăm linh một ngàn đồng).

Đối với ông Lê Bá N khi nhận mua 03 cuộn dây điện và 01 cuộn dây loa do bị cáo T và P bán, không biết là tài sản trộm cắp mà có và đã giao lại toàn bộ cho cơ quan điều tra để ra quyết định xử lý vật chứng là hoàn trả lại cho bị hại Nguyễn Thị K.

Qúa trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị K và người liên quan Lê Bá N không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với bà Lê Thị Bạch L có yêu cầu nhận lại chiếc xe máy biển số 72AL- 01455, số khung BIUMGB001720, số máy 139FMB404720 và 01 giấy

đăng ký xe biển số 72AL- 01455 mang tên Nguyễn Thị Mỹ H do cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ trong quá trình điều tra.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Phúc về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung cáo trạng đồng thời thống nhất về điều luật và tội danh đã truy tố, không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đối với bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản";

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 9 đến 12 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Ngọc T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 650.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

+ Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử hoàn trả lại chiếc xe máy biển số 72AL- 01455 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Mỹ H của biển số 72AL- 01455.60H5- 5615 cho bà Lê Thị Bạch L.

- Bị cáo thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và việc đề nghị xử lý vật chứng, không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo có ý kiến là đồng ý với quyết định truy tố của cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] **Về tố tụng**: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác là phù hợp. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2018, tại cửa hàng bán đồ điện của bà Nguyễn Thị K (tọa lạc ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT) Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hữu P đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà K 03 (Ba) cuộn dây điện và 01 (Một) cuộn dây loa với tổng trị giá tài sản là 1.801.000đồng (Một triệu tám trăm linh một ngàn đồng). Xét, số tài sản do Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hữu P chiếm đoạt từ bị hại có giá trị dưới 2.000.000đồng nhưng bị cáo P đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

4.1- *Về tình tiết tăng nặng*: Không có.

4.2- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo P trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 72AL- 01455 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Mỹ H của biển số 72AL- 01455. Qua kết quả xác minh, xác định chiếc xe này do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ sở hữu nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương và bà L là mẹ đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản này. Bị cáo P mượn xe từ bà L và bà L không biết P dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Do đó, không liên quan đến việc phạm tội, tạm thời hoàn trả lại cho người đang quản lý tài sản là bà L. Nếu sau này, bà H có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác.

- Đối với khoản tiền T và P thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có là 650.000đồng thì buộc phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với bà Nguyễn Thị K và ông Lê Bá N không có yêu cầu gì nên không xem xét;

[7] **Các vấn đề khác**:

Đối với Nguyễn Ngọc T, tại thời điểm phạm tội, T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L, quá trình điều tra xác định không cùng tham gia với Nguyễn Hữu P, Nguyễn Ngọc T để lấy trộm và tiêu thụ tài sản nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm là đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Lê Bá N khi mua tài sản không không biết tài sản do Nguyễn Hữu P, Nguyễn Ngọc T trộm mà có nên không truy cứu trách nhiệm là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu P** (tên gọi khác: **N**) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu P** (tên gọi khác: **N**) 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Bạch L 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 72AL- 01455, số khung B1UMGB001720, số máy 139FMB404720 và 01 (Một) giấy đăng ký xe biển số 72AL- 01455 do Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 21/BB ngày 20 tháng 3 năm 2019).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P và người liên quan Nguyễn Ngọc T mỗi người phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 325.000đồng (Ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền